

ĐỀ KIỂM TRA HỌC SINH GIỎI LỚP 8

TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN - QUẬN 3 (2013-2014)

(Thi ngày: ngày 29/3/2014)

Thời gian: 120 Phút

Bài 1:

a) Chứng minh: $a^3 + b^3 + c^3 = 3abc$ với $a + b + c = 0$

b) Cho $abc = 1$; $a + b + c = \frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}$. Tính $(a^{29} - 1)(b^3 - 1)(c^{2014} - 1)$

Bài 2: Chứng minh các bất đẳng thức sau:

a) $\frac{1}{xy} \geq \frac{4}{(x+y)^2}$

b) $\frac{1}{x^2 + y^2} + \frac{1}{xy} \geq \frac{6}{(x+y)^2}$

Bài 4:

Cho $\triangle ABC$ vuông tại A có AH là đường cao. BQ là tia phân giác của góc B; AD là tia phân giác của HAC . BQ cắt AD tại K. CK cắt AB tại L.

a) Chứng minh: $\triangle DAQ$ là tam giác cân.

b) Chứng minh: $\frac{DB}{DC} \cdot \frac{LB}{LA} \cdot \frac{QA}{QC} = 1$

Bài 5:

Cho $\triangle ABC$ có $AB = 13$; $AC = 14$; $BC = 15$; có đường cao AH. Tính AH.



HẾT

HƯỚNG DẪN GIẢI

Bài 1:

a) Chứng minh: $a^3 + b^3 + c^3 = 3abc$ với $a+b+c=0$

Ta có: $a+b+c=0 \Rightarrow a+b=-c$

Do đó: $a^3 + b^3 + c^3 = (a+b)^3 - 3ab(a+b)+c^3 = -c^3 - 3ab(-c)+c^3 = 3abc$: đpcm

b) Cho $abc=1; a+b+c=\frac{1}{a}+\frac{1}{b}+\frac{1}{c}$. Tính $(a^{29}-1)(b^3-1)(c^{2014}-1)$

Ta có: $a+b+c=\frac{1}{a}+\frac{1}{b}+\frac{1}{c} \Leftrightarrow a+b+c=ab+bc+ca$ (vì $abc=1$)

$\Leftrightarrow a+b+c-ab-bc-ca=0 \Leftrightarrow abca+b+c-ab-bc-ca-1=0$ (vì $abc=1$)

$\Leftrightarrow ab(c-1)-a(c-1)-b(c-1)+(c-1)=0 \Leftrightarrow (c-1)(ab-a-b+1)=0$

$$\Leftrightarrow (a-1)(b-1)(c-1)=0 \Leftrightarrow \begin{cases} a=1 \\ b=1 \\ c=1 \end{cases}$$

Do đó: $(a^{29}-1)(b^3-1)(c^{2014}-1)=0$

Bài 2: Chứng minh các bất đẳng thức sau với $x, y > 0$:

a) $\frac{1}{xy} \geq \frac{4}{(x+y)^2}$

$\Leftrightarrow x^2 + 2xy + y^2 \geq 4xy$ (vì $x, y > 0$ nên $x+y > 0$ và $xy > 0$)

$\Leftrightarrow (x-y)^2 \geq 0$: luôn đúng

Vậy BĐT đã được chứng minh.

b) $\frac{1}{x^2+y^2} + \frac{1}{xy} \geq \frac{6}{(x+y)^2}$

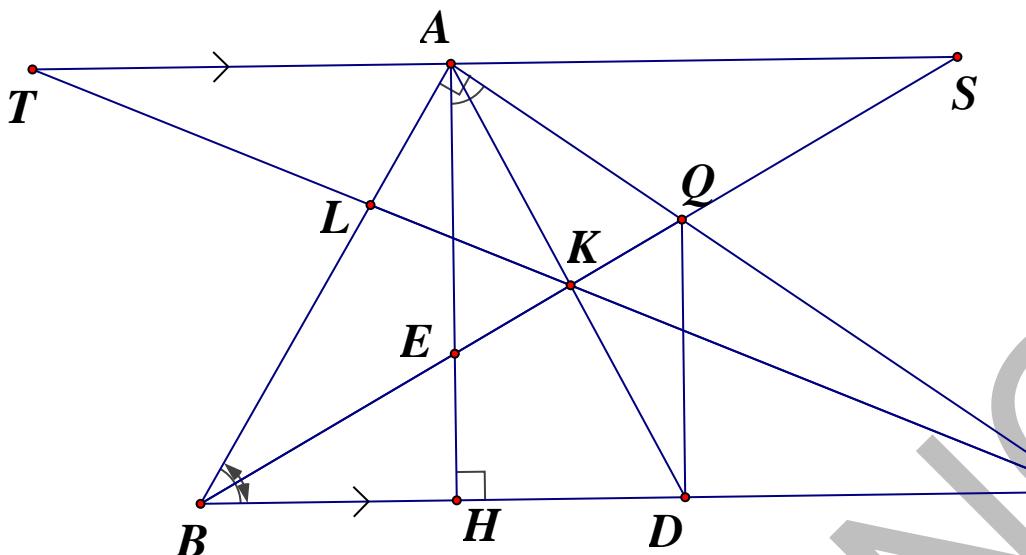
Áp dụng BĐT câu a) và $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \geq \frac{4}{a+b}$ ($\forall a, b > 0$), ta được:

$$\frac{1}{x^2+y^2} + \frac{1}{xy} = \frac{1}{x^2+y^2} + \frac{1}{2xy} + \frac{1}{2xy} \geq \frac{4}{(x+y)^2} + \frac{4}{2(x+y)^2} = \frac{6}{(x+y)^2} : \text{đpcm}$$

Bài 3:

Bài 4:

Cho $\triangle ABC$ vuông tại A có AH là đường cao. BQ là tia phân giác của góc B; AD là tia phân giác của $\angle HAC$. BQ cắt AD tại K. CK cắt AB tại L.



a) Chứng minh: $\triangle DAQ$ là tam giác cân.

Gọi E là giao điểm của AH và BQ.

Chứng minh được: $\triangle AEQ$ cân tại A \Rightarrow AD là đường phân giác cũng là đường cao.

Do đó: E là trực tâm của $\triangle ABD$. $\Rightarrow DE \perp AB$ mà $AC \perp AB$ nên $AC \parallel DE$.

$$\Rightarrow QDA = DAE \text{ (2 góc so le trong)}$$

mà $DAE = DAQ \text{ (...)}$ nên $QDA = DAQ \Rightarrow \triangle DAQ$ cân tại Q

b) Chứng minh: $\frac{DC}{DB} \cdot \frac{LB}{LA} \cdot \frac{QA}{QC} = 1$

Từ A vẽ đường thẳng song song với BC, cắt BQ tại S, cắt CK tại T.

$$\text{Ta có: } \begin{cases} \frac{DB}{AS} = \frac{DK}{AK} \text{ (BD // AS)} \\ \frac{DC}{AT} = \frac{DK}{AK} \text{ (DC // AT)} \end{cases} \Rightarrow \frac{DB}{AS} = \frac{DC}{AT} \Rightarrow \frac{DC}{DB} = \frac{AT}{AS} \quad (1)$$

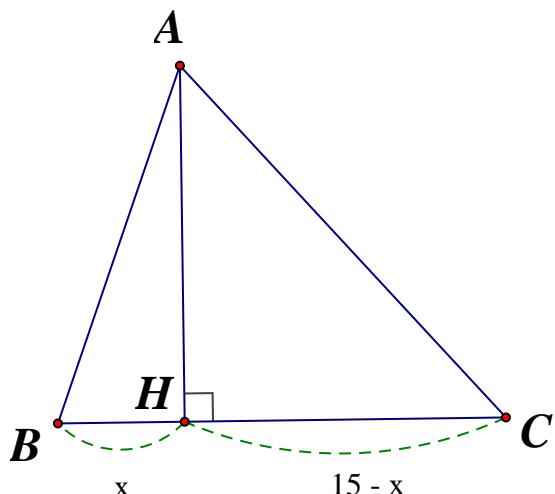
$$\text{Ta có: } \frac{LB}{LA} = \frac{BC}{AT} \text{ (BC // TA)} \quad (2)$$

$$\text{Ta có: } \frac{QA}{QC} = \frac{AS}{BC} \text{ (AS // BC)} \quad (3)$$

$$\text{Từ (1), (2). và (3) ta suy ra } \frac{DC}{DB} \cdot \frac{LB}{LA} \cdot \frac{QA}{QC} = 1$$

Bài 5:

Cho $\triangle ABC$ có $AB = 13$; $AC = 14$; $BC = 15$; có đường cao AH. Tính AH.



Tính AH.

Ta có: BC là cạnh lớn nhất của ΔABC nên A là góc lớn nhất trong $\Delta ABC \Rightarrow$ điểm nằm giữa B và C

Đặt $BH = x$ ($x > 0$) $\Rightarrow CH = 15 - x$

Áp dụng định lý Pytago, ta có:

$$\begin{cases} AH^2 = AB^2 - BH^2 = 13^2 - x^2 \\ AH^2 = AC^2 - CH^2 = 14^2 - (15-x)^2 \end{cases} \Rightarrow 169 - x^2 = 196 - 225 + 30x - x^2$$

$$\Rightarrow 30x = 198 \Rightarrow x = \frac{33}{5} \Rightarrow AH^2 = 196 - \left(\frac{33}{5}\right)^2 = \frac{3136}{25} \Rightarrow x = \frac{56}{5}$$

Vậy $AH = \frac{56}{5}$ cm

HẾT